

PHỤ LỤC GIÁ CHO THUÊ

STT	Tên lô, sạp	Diện tích (m ²)	Số lô	Đơn giá thuê (Đồng/m ² /năm)	Thành tiền 01 lô (Đồng/năm)
I	Nhà lồng tầng 1	165	25		
1	Lô E1-E6, E20-E25	6,5	12	325.000	2.112.500
2	Lô E7, E12, E14, E19	7	4	325.000	2.275.000
3	Lô E8-E11, E15-E18	6	8	325.000	1.950.000
4	Lô E13	11	1	325.000	3.575.000
II	Nhà lồng tầng 2	190,8	20		
1	Lô E26, E39	11	2	325.000	3.575.000
2	Lô E27-E32, E40-E45	8,9	12	325.000	2.892.500
3	Lô E33, E36	7	2	325.000	2.275.000
4	Lô E34, E35, E37, E38	12	4	325.000	3.900.000
III	Khu ngoài trời	463	86		
1	Khu N1: Sạp 01-10	9	10	163.000	1.467.000
2	Khu N2: Sạp 02-12	6	11	163.000	978.000
	Khu N2: Sạp 01	8,1	1	163.000	1.320.300
	Khu N2: Sạp 13	6,9	1	163.000	1.124.700
3	Khu N3: Sạp 01-10	6	10	163.000	978.000
4	Khu N4: Sạp 01-07	4	7	163.000	652.000
5	Khu N5: Sạp 01-20 (có mái che)	4,2	20	227.000	953.400
6	Khu N6: Sạp 01-20 (có mái che)	4,2	20	227.000	953.400
7	Khu N8: Sạp 01-06	6	6	163.000	978.000
Tổng cộng		818,8	131		